

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 77 /2021/ST - HNGĐ

Ngày 28 / 7 / 2021.

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Doãn Xuân;
2. Bà Võ Thị Hồng Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST - HNGĐ ngày 23/3/2021 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX - ST ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Văn Đ - sinh năm 1994.
2. Bị đơn: Chị Ngân Thị S - sinh năm 1996.

Đều có địa chỉ tại: Bản C, xã M, huyện Con C, tỉnh N. Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 15/02/2021 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lương Văn Đ trình bày: Anh và Chị Ngân Thị S kết hôn với nhau vào ngày 09/02/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được một năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù

hợp, vợ chồng không ai nhường nhịn ai nên dẫn đến thường xuyên cãi cọ nhau làm cho cuộc sống hôn nhân trở nên căng thẳng và mệt mỏi. Chị S tự ý bỏ nhà đi, anh Đ đã nhiều lần cố liên lạc với chị S nhưng không được. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngân Thị S.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị S không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh Đ thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Đ và chị S không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị S vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51,53,56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn ly hôn của anh Lương Văn Đ. Anh Đ và chị S chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: Buộc anh Lương Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, bị đơn hiện cư trú tại bản C, xã M, huyện Con Cuông nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, qua xác xác minh ngày 23/3/2021 tại Ban công an xã M, huyện C cho thấy chị S có hộ khẩu thường trú tại bản C, xã M nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu cũng không thông báo chính quyền địa phương biết nên không biết địa chỉ hiện nay của chị S ở đâu. Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án , bị đơn chị Ngân Thị S đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Sang theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Sang không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy anh Lương Văn Đ và chị Ngân Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh N vào ngày 13/8/2016. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không có ai ép buộc, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị S là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ và chị S chung sống hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa hợp. Năm 2018 chị S bỏ nhà đi và không liên lạc với nhau, như vậy anh Đ và chị S đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa chị S vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy quá trình kết hôn và chung sống giữa anh Đ và chị S xảy ra thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh Lương Văn Đ ly hôn chị Ngân Thị S.

Về con chung: Vợ chồng anh Lương Văn Đ và chị Ngân Thị S không có con chung.

Về tài sản chung: Do anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Lương Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lương Văn Đ được ly hôn chị Ngân Thị S.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Lương Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002380 ngày 23/3/2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lữ Thị Dung

